TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/DS-ST
Ngày: 05-9-2019
V/v tranh chấp *"Chia di sản thừa kế"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Mừng.

2. Ông Huỳnh Tấn Khoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Chia di sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Bùi Khả A, sinh năm: 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: chị Bùi Thị Bích T, sinh năm: 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Bùi Quốc H, sinh ngày 18/4/2001. (Có yêu cầu xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Bùi Khả A trình bày:

Ông và bà S kết hôn năm 1989 do mai mối, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, cha mẹ ông có cho vợ chồng ông diện tích 4.237m^2 đất trồng cây hàng năm, tọa lạc tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh An Giang, thửa số 333, tờ bản đồ số 65, do ông và bà Nguyễn Thị S đứng tên, đây là tài sản chung của vợ chồng. Đến ngày 11/01/2018 thì bà S không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của bà S gồm có: cha ruột là ông Nguyễn Văn M (đã chết ngày 28/01/2007) và mẹ ruột là bà Dương Ngọc N (đã chết ngày 04/5/1998), chồng là

Bùi Khả A và 02 con là Bùi Thị Bích T, sinh năm 1992 và Bùi Quốc H, sinh ngày 18/4/2001. Tại phiên tòa, ông A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần đất 4.237m^2 là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu được nhận hiện vật, hoàn lại giá trị di sản thừa kế cho T và H. Ông A thống nhất theo giá đã được Hội đồng định giá xác định tại biên bản định giá ngày 24/8/2018, sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 10/9/2018 do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C cung cấp.

Bị đơn chị Bùi Thị Bích T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của chị T về nội dung đơn khởi kiện của ông A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Quốc H có đơn xin vắng mặt và có ý kiến trình bày tại tờ tường trình ngày 01/6/2018 với nội dung: thống nhất với nội dung khởi kiện của ông A, đồng ý nhận phần di sản thừa kế bằng tiền và giao lại cho ông A phần di sản được nhận theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn: từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là phù hợp Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 650, 651, 660 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Bùi Khả A. Ông Bùi Khả A được tiếp tục sử dụng diện tích đất 4.237m^2 nối các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C.

Ông Bùi Khả A có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần được chia cho chị Bùi Thị Bích T là 45.194.666 đồng.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông Bùi Khả A khởi kiện chị Bùi Thị Bích T. Chị Bùi Thị Bích T có nơi cư trú tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Bùi Thị Bích T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, anh Bùi Quốc H có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Ông A và bà S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian vợ chồng chung sống thì cha mẹ ông A có cho ông và bà S 4.237m^2 đất trồng cây lâu năm, đến ngày 26/3/2013 Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp quyền sử dụng đất số CH02153, diện tích 4.237m^2, thửa số 333, tờ bản đồ số 65 cho ông Bùi Khả A và bà Nguyễn Thị S, đất tọa lạc tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, có cơ sở xác định phần diện tích đất 4.237m^2 là tài sản chung hình thành trong quá trình chung sống giữa ông A và bà S.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông A cũng xác định ông và bà S có công sức đóng góp ngang nhau trong việc quản lý, sử dụng tài sản chung. Căn cứ bản sao giấy chứng tử số 08/TTKT-BS, ngày 16/01/2018 do Ủy ban nhân dân xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp thể hiện bà S chết vào ngày 16/01/2018. Như vậy, xác định di sản thừa kế do bà S để lại là ½ phần diện tích 4.237m^2 tương ứng 2.118,5m^2 đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Long Thuận 1, xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[4] Đối với người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị S:

Ngày 27/3/2018 ông Bùi Khả A cung cấp cho Tòa án tờ cam kết không bỏ sót hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị S thể hiện gồm: cha ruột là ông Nguyễn Văn M (đã chết ngày 28/01/2007) và mẹ ruột là bà Dương Ngọc N (đã chết ngày 04/5/1998), chồng là Bùi Khả A và 02 con là Bùi Thị Bích T, sinh năm 1992 và Bùi Quốc H, sinh ngày 18/4/2001. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, có cơ sở xác định ông A, chị T, anh H là hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị S.

[5] Về việc phân chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị S:

Do bà S chết vào ngày 16/01/2018 không để lại di chúc nên di sản thừa kế của bà S được thừa kế và phân chia theo quy định tại Điều 649 và khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015. Ngoài di sản là quyền sử dụng đất số CH02153 ngày 26/3/2013 được Ủy ban nhân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho ông Bùi Khả A, bà Nguyễn Thị S thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất không tranh chấp và không yêu cầu phân chia di sản nào khác nên Hội đồng xét xử chỉ phân chia đối với tài sản này.

Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 24/8/2018 của Hội đồng định giá xác định: phần diện tích đất do ông A, bà S được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02153 có tổng diện tích là 4.237m^2, loại đất trồng cây hàng năm, đất thuộc vị trí 2, tiếp giáp đường tỉnh, có giá 64.000 đồng/m^2 nên phần diện tích 4.237m^2 trị giá 271.168.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị di sản thừa kế của bà S để phân chia cho các thừa kế là 135.584.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015, di sản được chia đều cho 03 người trong hàng thừa kế thứ nhất mỗi người được hưởng phần di sản có giá trị bằng 45.194.666 đồng.

Ông Bùi Khả A hiện đang sinh sống, quản lý đối với phần đất này nên ông có nguyện vọng được nhận hiện vật và hoàn lại giá trị di sản thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H cũng không có yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý cho lại kỷ phần thừa kế mà anh được nhận cho ông A. Xét thấy đây là sự tự nguyện của anh H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, không ghi nhận được ý kiến của chị T đối với yêu cầu khởi kiện của ông A nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được và giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét thấy ông A là người trực tiếp quản lý, canh tác đối với phần diện tích đất này từ trước đến nay, có nhiều công sức đóng góp trong quá trình quản lý, sử dụng đối với phần diện tích đất trên. Bên cạnh đó, các bên cũng không có tranh chấp về giá đất đã được Hội đồng định giá. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông A được nhận di sản là hiện vật và có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cho chị Bùi Thị Bích T kỷ phần thừa kế trị giá 45.194.666 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng khác: đối với 1.000.000 đồng chi phí định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ ông Bùi Khả A tự nguyện chịu và được khấu trừ vào tiền tạm ứng ông A đã nộp theo biên nhận ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới. Ông A đã nộp đủ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chị Bùi Thị Bích T được nhận kỷ phần thừa kế trị giá 45.194.666 đồng nên phải nộp 2.259.733 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Bùi Khả A được nhận kỷ phần thừa kế trị giá 90.389.332 đồng, nên phải nộp 4.519.467 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ một phần vào số tiền 3.177.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019605 ngày 09/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Ông A còn phải nộp 1.342.467 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 136, điểm a khoản 1 Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 33 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Khả A.

- Xác định di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị S để lại là ½ giá trị quyền sử dụng đất số CH02153, ngày 26/3/2013, đất trồng cây lâu năm, thửa số 333, tờ bản đồ số 65 đã được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Khả A và bà Nguyễn Thị S. Di sản trị giá 135.584.000 đồng.

- Hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị S gồm: ông Bùi Khả A, sinh năm 1967, chị Bùi Thị Bích T, sinh năm 1992, anh Bùi Quốc H, sinh ngày 18/4/2001.

- Chia di sản của bà Nguyễn Thị S theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất, mỗi kỷ phần thừa kế trị giá: 45.194.666 đồng.

- Ông Bùi Khả A được nhận di sản là hiện vật và hoàn lại giá trị cho chị Bùi Thị Bích T kỷ phần thừa kế trị giá 45.194.666 đồng.

- Ông Bùi Khả A được quyền sử dụng và quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02153 ngày 26/3/2013, diện tích 4.237m^2, thửa số 333, tờ bản đồ số 65 cho ông Bùi Khả A, bà Nguyễn Thị S, theo các mốc điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 tại sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 10/9/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C. Ông Bùi Khả A có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký chuyển quyền sử dụng đất đối với tài sản này theo quy định pháp luật.

(Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 10/9/2018 do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C cung cấp là một phần không tách rời bản án).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi Khả A phải chịu 4.519.467 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ một phần vào số tiền 3.177.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019605 ngày 09/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Ông A còn phải nộp 1.342.467 đồng *(Một triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi bảy đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Bùi Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.259.733 đồng *(Hai triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm ba mươi ba đồng)*

Ông Bùi Khả A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Bùi Thị Bích T, anh Bùi Quốc H quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Diệu Tiên